TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2023/HNGD-ST Ngày 13 tháng 01 năm 2023 "V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Lò Văn Ngắm**

2. Bà: **Nguyễn Thuý Hà**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Thu – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HN&GĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T**, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Bản N, xã N C, huyện MA, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Lò Văn P**, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Bản P, xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên *(Vắng mặt không có lý do)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 10/10/2022; tại bản tự khai ngày 14/10/2022 nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

* **Về hôn nhân**: Tôi (T) và anh Lò Văn P có đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên vào ngày 05/10/2018. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự tác động của bên ngoài. Sau khi cưới, tôi và anh Pchuyển về sống tại bản P, xã MĐ, huyện MA. Cuộc sống chung của vợ chồng tôi đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, anh P nghiện chất ma túy, không tu trí làm ăn. Tôi và hai bên gia đình nội, ngoại đã nhiều lần khuyên anh Ptừ bỏ chất ma túy nhưng anh P vẫn không từ bỏ nên vợ chồng tôi thường xuyên

xẩy ra mâu thuẫn cãi vã. Do mâu thuẫn kéo dài nên từ tháng 3 năm 2022 tôi đã chuyển về cùng sống với bố mẹ đẻ tại bản N, xã NC, huyện MA và chúng tôi ly thân từ đó đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện MA giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn P.

*** Về con chung**: Trong quá trình chung sống tôi và anh Lò Văn P có 01 người con chung là cháu Lò Thị Mỹ L, sinh ngày 06/9/2017. Nguyện vọng của tôi về việc giải quyết con chung là sau khi ly hôn tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về**: Tôi và anh Pkhông có.

*** Bị đơn: A**nh Lò Văn P mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh P vẫn vắng mặt.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Lò Văn P; xác minh nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn của Chị T và anh P và xác minh điều kiện kinh tế của chị Lò Thị T.

Trong quá trình thụ lý giải quyết Chị T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn P.

- Con chung: Giao cháu Lò Thị Mỹ L, sinh ngày 06/9/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

- Án phí: Chị T là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 12/10/2022, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và tống đạt cho bị đơn là anh Lò Văn P, anh P vắng nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tiến hành tống đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ngày 16/11/2022 chị Lò Thị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được lần 2.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 23/12/2022, Nguyên đơn là chị Lò Thị T có mặt, bị đơn là anh Lò Văn Pvắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 13/01/2023.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Lò Thị T có mặt; Bị đơn là anh Lò Văn Pvắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh P.

[2] Nội dung vụ án:

*** Về hôn nhân**: Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 10/10/2022; tại bản tự khai ngày 14/10/2022 của nguyên đơn là chị Lò Thị T và lời trình bày của chị Lò Thị T tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh P lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/10/2018 tại UBND xã MĐ, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống Chị T và anh Pchung sống đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sau đó Chị T phát hiện anh Pnghiện chất ma túy, không quan T chăm lo cho gia đình. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải, khuyên can nhiều lần nhưng cuộc sống chung của vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, Chị T và anh P đã sống ly thân. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã

sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị T. Tuyên xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn P.

**** Về con chung***: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn P có 01 người con chung là Lò Thị Mỹ L, sinh ngày 06/9/2017.

Chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Lò Thị Mỹ L đang còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về T lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu, cần tiếp tục giao cháu cho Chị T trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của Chị T về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

**** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về***: Không có, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Mỹ L, sinh ngày 06/9/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị T.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Lò Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên án; anh Lò Văn P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã MĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Vân